

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGŨ VĂN

Mã số: 71 40 217

(Ban hành kèm theo Quyết định số 315/QĐ-ĐHHV ngày 07/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Học phần	Số TC
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	35
I.1	Bắt buộc	33
-	Lý luận chính trị	11
-	Ngoại ngữ đại cương	10
-	Tin học đại cương	2
-	Pháp luật đại cương	2
-	Kỹ năng mềm	2
-	Kiến thức KHXH	6
-	Giáo dục thể chất	(90 giờ)
-	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(165 giờ)
I.2	Tự chọn (theo lĩnh vực hoặc nhóm ngành)	2
II	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	23
II.1	Bắt buộc	21
II.2	Tự chọn	2
III	KIẾN THỨC NGÀNH	36
III.1	Bắt buộc	32
III.2	Tự chọn	4
IV	KIẾN THỨC ĐÀO TẠO NĂNG LỰC SƯ PHẠM	28
IV.1	Bắt buộc	26
IV.2	Tự chọn	2
V	THỰC TẬP, ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	10
-	Thực tập sư phạm 1	2
-	Thực tập sư phạm 2	3
-	Đề án tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế đề án tốt nghiệp	5
TỔNG:		132 tín chỉ

2. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/TL	Tự học	
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	35				
I.1		Bắt buộc	33				
1	DPT319	Triết học Mác – Lênin	3	30	30	90	
2	DPT220	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	20	20	60	DPT319
3	DPT215	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	20	60	DPT220
4	DPT207	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	20	60	DPT215
5	DPT221	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	20	60	DPT207
		Ngoại ngữ đại cương (Chọn 1 ngoại ngữ)					

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/ TL	Tự học	
6 7 8 9	LCE315	Tiếng Anh 1	3	30	30	90	
	LCE216	Tiếng Anh 2	2	20	20	60	
	LCE317	Tiếng Anh 3	3	30	30	90	
	LCE218	Tiếng Anh 4	2	20	20	60	
	LCC350	Tiếng Trung 1	3	30	30	90	
	LCC251	Tiếng Trung 2	2	20	20	60	
	LCC252	Tiếng Trung 3	2	20	20	60	
	LCC353	Tiếng Trung 4	3	30	30	90	
6	JAP401	Tiếng Nhật 1	4	45	30	125	
7	JAP402	Tiếng Nhật 2	4	45	30	125	
8	JAP203	Tiếng Nhật 3	2	20	20	60	
10	PHE101	Giáo dục thể chất 1	(1)				
11	PHE102	Giáo dục thể chất 2	(1)				
12	PHE103	Giáo dục thể chất 3	(1)				
13	NDE801	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(165T)				
14	CPS201	Tin học đại cương	2	10	40	50	
15	PSY234	Kỹ năng mềm	2	15	30	55	
16	DPT213	Pháp luật đại cương	2	20	20	60	
17	PHI202	Mĩ học đại cương	2	20	20	60	
18	HIS203	Đại cương lịch sử Việt Nam	2	20	20	60	
19	GEO248	Địa lý Việt Nam đại cương	2	20	20	60	
I.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
20	PHI272	Nhân học đại cương	2*	20	20	60	
	HIS201	Dân tộc học đại cương	2*	20	20	60	
	HIS202	Lịch sử văn minh thế giới	2*	20	20	60	
	TAC202	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2*	20	20	60	
	PHI210	Văn học Việt Nam đại cương	2*	20	20	60	
II		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	23				
II.1		Bắt buộc	21				
21	PHI286	Phương pháp NCKH ngành Ngữ văn	2	20	20	60	
22	GEO203	Ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học khoa học xã hội	2	20	20	60	
23	PHI203	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	20	20	60	
24	PHI212	Dẫn luận văn học trung đại Việt Nam	2	20	20	60	
25	PHI215	Dẫn luận Văn học Việt Nam hiện đại từ 1900 đến nay	2	20	20	60	
26	PHI204	Cơ sở ngôn ngữ văn tự Hán Nôm	2	20	20	60	
27	PHI305	Văn bản Hán Nôm	3	30	30	90	
28	PHI266	Văn học – nhà văn – bạn đọc	2	20	20	60	
29	PHI267	Tác phẩm và thể loại văn học	2	20	20	60	
30	PHI208	Tiến trình văn học	2	20	20	60	
II.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
31	GEO201	Môi trường và phát triển bền vững	2*	20	20	60	



TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/TL	Tự học	
	PHI248	Tiếng Việt thực hành	2*	15	30	55	
	PHI231	Văn bản và thực hành văn bản tiếng Việt	2*	15	30	55	
	TAM201	Tổ chức sự kiện	2*	20	20	60	
III		KIẾN THỨC NGÀNH	36				
III.1		Bắt buộc	32				
32	PHI311	Văn học dân gian Việt Nam	3	30	30	90	
33	PHI273	Các loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam	2	20	20	60	
34	PHI214	Hệ thống thể loại văn học trung đại Việt Nam	2	20	20	60	
35	PHI371	Hệ thống thể loại và tác gia tiêu biểu của văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945	3	30	30	90	
36	PHI274	Hệ thống thể loại và tác gia tiêu biểu của văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	2	20	20	60	
37	PHI275	Hệ thống thể loại và tác gia tiêu biểu của văn học Việt Nam từ 1975 đến nay	2	20	20	60	
38	PHI318	Hệ thống thể loại và tác gia tiêu biểu của văn học châu Á	3	30	30	90	
39	PHI269	Hệ thống thể loại và tác gia tiêu biểu của văn học châu Âu từ cổ đại đến thế kỷ XVIII	2	20	20	60	
40	PHI276	Hệ thống thể loại và tác gia tiêu biểu của văn học Âu – Mỹ từ thế kỷ XIX đến nay	2	20	20	60	
41	PHI221	Ngữ âm học tiếng Việt	2	20	20	60	
42	PHI222	Từ vựng học tiếng Việt	2	20	20	60	
43	PHI270	Ngữ pháp tiếng Việt	2	20	20	90	
44	PHI225	Ngữ dụng học tiếng Việt	2	20	20	60	
45	PHI224	Phong cách học tiếng Việt	2	20	20	60	
46	PHI177	Thực tế văn học	1		30	20	
III.2		Tự chọn (Chọn 2 học phần)	4				
47	PHI227	Thi pháp văn học trung đại Việt Nam	2*	20	20	60	
	PHI228	Văn học địa phương	2*	20	20	60	
	PHI229	Đọc hiểu văn bản	2*	20	20	60	
	PHI230	Câu trong hoạt động giao tiếp	2*	20	20	60	
	PHI278	Tiếng Anh chuyên ngành Ngữ văn	2*	20	20	60	
IV		KIẾN THỨC ĐÀO TẠO NĂNG LỰC SỰ PHẠM	28				
IV.1		Bắt buộc	26				
49	PSY314	Tâm lý học giáo dục	3	30	30	90	
50	PSY335	Giáo dục học	3	30	30	90	

ĐẢNG
CỘNG
HỘC
VIỆT
NAM

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/ TL	Tự học	
51	PSY217	Giao tiếp sư phạm	2	15	30	55	
52	PSY205	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	20	20	60	
53	PSY236	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cơ bản	2	10	40	50	
54	PHI279	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm ngành Ngữ văn	2	5	50	45	
55	PHI333	Lí luận và phương pháp dạy học văn	3	30	30	90	
56	PHI334	Lí luận và phương pháp dạy học tiếng Việt – tập làm văn	3	30	30	90	
57	PHI235	Phát triển năng lực dạy học Ngữ văn	2	20	20	60	
58	PHI280	Dạy học văn học Việt Nam trung đại trong trường phổ thông	2	15	30	55	
59	PHI281	Dạy học văn học Việt Nam hiện đại trong trường phổ thông	2	15	30	55	
IV.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
60	PHI282	Dạy học văn học nước ngoài trong trường phổ thông	2*	15	30	55	
	PHI239	Phương pháp phát triển năng lực Ngữ văn cho học sinh	2*	20	20	60	
	PHI240	Dạy học tiếng Việt cho người nước ngoài	2*	15	30	55	
	PHI283	Dạy học tiếng Việt trong trường phổ thông	2*	15	30	55	
V		THỰC TẬP, ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	10				
61	PHI241	Thực tập sư phạm 1	2		60	40	
62	PHI342	Thực tập sư phạm 2	3		90	60	
63	PHI584	Đề án tốt nghiệp	5		150	100	
		Học phần chuyên môn thay thế đề án tốt nghiệp	5				
64	PHI385	Tác gia tiêu biểu của Văn học Việt Nam hiện đại	3	30	30	90	
65	PHI246	Ngôn ngữ và Văn học	2	20	20	60	
Tổng:			132				

